

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày 23 - 4 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Tài
2. Ông Lê Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện như thanh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Mai Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST- HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân T; sinh ngày 11/11/1991, tại thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố X, TT. B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038091040299; cấp ngày 07/11/2022; nơi cấp: Cục C4 về TTXH

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Xuân T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P;

Bị cáo chưa có vợ;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số 07/2017/HSST ngày 06/3/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 20/10/2022.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/9/2024 đến ngày 02/10/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam khu vực N, thuộc phòng PC11 - Công an tỉnh T - Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Anh Đ; sinh ngày 08 tháng 12 năm 1997 tại xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cước công dân số: 038097017826; cấp ngày 10/11/2023; nơi cấp: Cục C4 về TTXH

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Hùng S và bà Nguyễn Thị Y;

Có vợ là Lê Thị Khánh L (đã ly hôn) và 01 con.

Tiền sự: Không

Tiền án: Tại bản án số 67/2021/HSST ngày 01/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/9/2024 đến ngày 02/10/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam khu vực N, thuộc phòng PC11 - Công an tỉnh T - Có mặt tại phiên tòa.

3. Phan Công N; sinh ngày 02 tháng 3 năm 1988, tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cước công dân số: 038088010700;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phan Công X và bà Nguyễn Thị L1;

Có vợ là Vi Phương T2 (đã ly hôn) và 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại bản án số 12/2011/HSST ngày 18/5/2011, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 18/5/2014.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/9/2024 đến ngày 02/10/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam khu vực N, thuộc phòng PC11 - Công an tỉnh T - Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Đình C - sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 9/2024, Trần Xuân T đang có tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy đã đến khu vực chợ C5 thuộc địa phận thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa mua 65 viên ma túy loại hồng phiến của một người đàn ông không quen biết với giá 80.000 đồng/viên và 02 (hai) viên ma túy màu xanh. Tổng cộng số tiền mua ma túy mà T trả cho người đàn ông lạ mặt là 5.200.000 đồng.

Đến đêm ngày 18/9/2024, T đã sử dụng số thuê bao 0582.678.224 gọi điện thoại đến số thuê bao 0824.882.388 của Phan Công N là người quen từ trước để hỏi mua ma túy. N thống nhất bán cho T 30 viên ma túy với giá 50.000 đồng/viên, giao ma túy tại thị trấn N.

Sau khi nhận lời bán ma túy cho T, N sử dụng điện thoại của mình, số thuê bao 0824.882.388 gọi điện thoại đến số thuê bao 0378.880.061 của một người phụ nữ mà trước đây N từng mua được ma túy và hỏi mua người phụ nữ này 30 viên ma túy loại hồng phiến thì người này đồng ý bán cho N với giá là 30.000 đồng/viên.

Trưa và chiều ngày 19/9/2024, theo yêu cầu của người phụ nữ, N mang số tiền 900.000 đồng đến đặt tại chân biển báo “ĐỊA PHẬN QUẢN LÝ HẠT QL ĐƯỜNG BỘ LAM SƠN” cạnh đường M thuộc địa phận khu phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Khoảng 30 phút sau, theo chỉ dẫn của người phụ nữ, N quay lại chân biển báo “ĐỊA PHẬN QUẢN LÝ HẠT QL ĐƯỜNG BỘ LAM SƠN”, thấy một túi zip nylon trong suốt đựng ma túy loại hồng phiến bên trong đã được đặt sẵn tại đó thì N gọi điện thoại cho Thanh dực T đến lấy ma túy. Lúc này, T cũng vừa đến thị trấn N. Theo chỉ dẫn của N, T đến chân biển báo “ĐỊA PHẬN QUẢN LÝ HẠT QL ĐƯỜNG BỘ LAM SƠN” gặp N, trực tiếp lấy gói ma túy tại chân biển báo, cất vào người và trả cho N số tiền 1.500.000 đồng. Khi về đến nhà, Thanh kiểm đếm xác định trong túi zip có 30 viên ma túy loại hồng phiến. T trộn lẫn số ma túy này với số ma túy mà T mua được tại khu vực chợ C5, cất giấu tại nhà ở.

Sau khi mua được tổng số 97 viên ma túy như trên. T đã rủ Nguyễn Anh Đ đến ăn ở tại nhà T và cùng T thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy. T sẽ bao ăn ở và trích một phần tiền ra trả công cho Đ. T không cho Đ biết nguồn gốc và số lượng ma túy mà T đang cất giấu. Sau đó, T và Đ đã 02 lần bán ma túy cho Nguyễn Đình C, sinh năm 1994, trú tại thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể từng lần như sau:

+ Lần 1: Vào khoảng 20 giờ 35 phút ngày 23/9/2024, khi T đang ở nhà cùng với Đ thì C sử dụng số thuê bao 0365.362.723 gọi đến số thuê bao 0899.347.585 của T để hỏi mua 04 viên ma túy loại hồng phiến thì T nghe máy, đồng ý và cung cấp tài khoản ngân hàng M số 68686111991 của T cho C, yêu cầu C chuyển khoản 500.000 đồng và dặn C xuống khu vực gần nhà T gặp Đ nhận ma túy. Sau khi C sử dụng tài khoản ngân hàng M số 0365362723 của C chuyển khoản số tiền trên cho

T, T lấy ra 04 viên ma túy loại hồng phiến gói vào vào một mảnh giấy bạc, đưa cho Đ và bảo Đ mang ra đầu ngõ giao cho C. Đ cầm gói ma túy mà T đưa, ra lề đường Quốc lộ 45 thuộc địa phận khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giao gói ma túy cho C.

+ Lần thứ hai: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 25/9/2024, khi T và Đ đang ở nhà T thì C sử dụng số thuê bao 0365.362.723 gọi đến số thuê bao 0899.347.585 của T để hỏi mua 06 viên ma túy loại hồng phiến. **Đ là người nghe điện thoại, đồng ý bán ma túy cho C và yêu cầu C chuyển 700.000 đồng vào tài khoản cho T.** C sử dụng tài khoản ngân hàng M số 0365362723 chuyển số tiền trên vào tài khoản ngân hàng M số 68686111991 của T sau đó gọi điện thông báo cho Đ biết thì Đ dẫn C xuống khu vực gần nhà T nhận ma túy. Sau đó, Đ báo lại nội dung trao đổi với C cho T biết. T kiểm tra thấy C đã chuyển số tiền 700.000 đồng vào tài khoản thì T lấy 06 viên ma túy loại hồng phiến gói vào một mảnh giấy bạc rồi đến chân cổng chào huyện N trên Quốc lộ D, thuộc địa phận khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giao ma túy cho C.

Khoảng 21 giờ 30 ngày 25/9/2024, Tổ Công tác do Đội Cảnh sát ĐTTP về HS-KT-MT Công an huyện N phối hợp với Công an thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa tuần tra, phát hiện Nguyễn Đình C đang sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực nghĩa trang thuộc địa phận khu phố C, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc, thu giữ 01 chiếc bật lửa ga màu xanh, nhãn hiệu H-VIET và 01 mảnh giấy bạc bị cháy xém đồng thời triệu tập C về Cơ quan CSĐT Công an huyện N để làm việc.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện N, Nguyễn Đình C khai báo đã mua ma túy của Trần Xuân T3 và Nguyễn Anh Đ như đã nêu trên.

Đến ngày 26/9/2024, Trần Xuân T, Nguyễn Anh Đ và Phan Công N đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N để đầu thú, khai nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình đồng thời giao nộp các đồ vật có liên quan.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Xuân T tại khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã phát hiện và tạm giữ: 01 túi nilon màu hồng, bên trong chứa 85 viên nén hình trụ màu đỏ, một mặt có ký hiệu “WY”, một mặt trơn nhẵn và 02 viên nén hình trụ màu xanh, một mặt có ký hiệu “A”, một mặt có ký hiệu “Y1”. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Anh Đ và Phan Công N, Nguyễn Đình C1 không phát hiện, thu giữ được đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

Tại các Kết luận giám định số 3565/KL-KTHS và 3566/KL-KTHS ngày 28/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh T Công an tỉnh T, kết luận:

- Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine trong chất rắn màu đen bám dính trên giấy bạc gửi giám định. Không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính.

- 85 viên nén màu đỏ, một mặt trơn, một mặt có ký hiệu “WY” gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 8,224g;

- 02 viên nén màu xanh, một mặt có ký hiệu “Y1”, mặt còn lại có ký hiệu “A” gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 0,207g

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Xuân T, Nguyễn Anh Đ và Phan Công N.

- Quá trình điều tra mở rộng các đối tượng có liên quan, kết quả như sau:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Trần Xuân T và người phụ nữ đã bán ma túy cho Phan Công N, T và N không có đầy đủ thông tin về tên và địa chỉ của những người này. Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã tìm thông qua chủ thuê bao các số điện thoại để điều tra mở rộng. Kết quả điều tra chủ thuê bao các số điện thoại liên quan đến giao dịch mua bán ma túy như sau:

+ Chủ thuê bao số điện thoại 0378.880.061 do người phụ nữ bán ma túy cho Phan Công N sử dụng là chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1976, trú tại Tổ dân phố số C, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chủ thuê bao số điện thoại 0899.347.585 do Trần Xuân T sử dụng là chị Lê Thị Bích L2, sinh năm 1979, trú tại số I đường Q, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chủ thuê bao số điện thoại 0345.486.597 do Nguyễn Anh Đ sử dụng là chị Nguyễn Lê Thúy H, sinh năm 2004, trú tại thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

+ Chủ thuê bao số điện thoại 0582.678.224 do Trần Xuân T sử dụng là ông Đặng Văn C2, sinh năm: 1968, trú tại thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Các chủ thuê bao nói trên đã từ lâu không sử dụng các số điện thoại mà các đối tượng đã sử dụng để giao dịch mua bán ma túy; họ cũng không biết việc các đối tượng đã sử dụng các số điện thoại mà họ đã đăng ký thuê bao để giao dịch mua bán ma túy. Vì vậy không có cơ sở để xử lý trách nhiệm pháp lý đối với họ.

- Đối với Nguyễn Đình C là người mua ma túy của T và Đ để sử dụng, Công an huyện N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Về vật chứng của vụ án: Các vật chứng liên quan đến vụ án đều đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Như Thanh chờ xử lý; bao gồm:

- Các điện thoại các đối tượng đã sử dụng để giao dịch mua bán ma túy gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone Xs màu đen, kèm theo thẻ SIM điện thoại số thuê bao là 0866.630.186 do Trần Xuân T sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, loại C30s màu đen, kèm theo 02 thẻ sim điện thoại số

0582.678.224 và 0899.347.585 do Trần Xuân T sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A21s, màu trắng, kem theo thẻ sim điện thoại số 0824.882.388 của Phan Công N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone Xs màu vàng gold, gắn kèm thẻ sim điện thoại số 0345.486.597, do Nguyễn Anh Đ sử dụng. Các điện thoại trên đều đã được đựng trong phong bì niêm phong do cơ quan CSĐT Công an huyện N phát hành.

- Số ma túy còn lại sau giám định và công cụ Nguyễn Đình C dùng để sử dụng trái phép chất ma túy đều đã được đựng trong phong bì niêm phong do Phòng Kỹ thuật Công an tỉnh T phát hành.

- 01 (một) chiếc bật lửa ga màu xanh, nhãn hiệu H-VIET đã qua sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 14/CT- VKS ngày 28/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Anh Đ và Phan Công N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Các điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Xuân T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Anh Đ từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án trước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Công N từ 30 đến 36 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị phạt bổ sung Trần Xuân T 10.000.000 đồng. Miễn hình phạt bổ sung cho Nguyễn Anh Đ và Phan Công N.

- Về vật chứng, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định;

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo phạm tội mà có.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 04 điện thoại di động các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

- Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều được coi là đúng pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đình C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh C không gây trở ngại cho việc xét xử và không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng; vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Anh Đ và Phan Công N đều đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời trình bày của các bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Để có tiền chi tiêu, Trần Xuân T đã mua của Phan Công N 30 viên ma túy tổng hợp và mua của người không quen biết 67 viên ma túy tổng hợp loại Methamphetamine (tổng cộng 97 viên) về cùng với Nguyễn Anh Đ bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy, T và Đ đã bán trái phép cho Nguyễn Đình C vào các ngày 23 và 25/9/2024, tổng cộng 10 viên. Còn lại 87 viên, có trọng lượng 8,431 gam, T tàng trữ trong nhà để tiếp tục bán cho người có nhu cầu. Bản thân T đang có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Anh Đ và Phan Công N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh truy tố Trần Xuân T theo các điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; truy tố Nguyễn Anh Đ theo điểm b khoản 2 Điều 251 và truy tố Phan Công N1 theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác.

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định về Tội mua bán trái phép chất ma túy:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

i) Heroine, C3, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

...

q) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[4] Đối với khối lượng ma túy mà N đã bán cho T: Sau khi mua được 30 viên ma túy của N, T đã trộn lẫn với số ma túy mà T mua được trước đó. Cơ quan CSĐT không thể tách rời 30 viên ma túy trên để xác định khối lượng ma túy. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh ruy tố Phan Công N theo khoản 1 Điều 251 của Bộ Luật Hình sự là phù hợp. Đối với 10 viên ma túy mà T và Đ đã bán cho C, C đã sử dụng hết nên không xác định được khối lượng.

[5] Trong vụ án này: chị Nguyễn Thị T4, chị Lê Thị Bích L2, chị Nguyễn Lê Thúy H, ông Đặng Văn C2 là người đăng ký thuê bao các số điện thoại mà các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, chị T4, chị L2, chị H và ông C2 đều đã không còn sử dụng các số điện thoại nói trên từ trước thời điểm các bị cáo thực hiện tội phạm; những người này không biết các bị cáo sử dụng số điện thoại do mình đăng ký thuê bao để thực hiện tội phạm. Vì vậy, chị T4, chị L2, chị H và ông C2 không có hành vi phạm tội. Đối với Nguyễn Đình C, có hành vi mua ma túy để sử dụng trái phép. Hành vi của C không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính C là phù hợp.

[6] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; có sức khỏe nhưng không chịu lao động để có thu nhập hợp pháp mà đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Các bị cáo biết rõ ma túy có tác hại nhiều mặt đến đời sống xã hội, người nghiện ma túy ngày càng ốm yếu, suy kiệt sức khỏe, tinh thần, đặc biệt việc nghiện và sử dụng bằng cách tiêm chích là một trong những nguyên nhân làm lây lan căn bệnh đại dịch HIV, AIDS và cũng là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Nhà nước đã có nhiều biện pháp tuyên truyền giáo dục nhằm ngăn chặn hoạt động liên quan đến tội phạm ma túy; bị cáo nhận thức rõ nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm hưởng đến trật tự trị an trên địa

bàn, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử lý nhanh chóng kịp thời để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] *Xét vai trò thực hiện tội phạm*, vụ án có nhiều đồng phạm cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự phân công vai trò hoặc bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, Trần Xuân T là người rủ rê, khởi xướng và có hai lần thực hiện tội phạm cùng với Nguyễn Anh Đ, một lần thực hiện tội phạm cùng với N. Do đó vai trò thực hiện tội phạm của các bị cáo lần lượt từ cao xuống thấp là T, Đ, N.

[8] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo*, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của Trần Xuân T và Phan Công N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng Nguyễn Anh Đ đang trong thời gian thử thách án treo (48 tháng) của bản án số 67/2021/HSST ngày 01/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa mà còn thực hiện tội phạm lần này nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của Trần Xuân T thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và “Phạm tội từ 02 lần trở lên” đã là tình tiết định khung hình phạt nên không bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi tội phạm bị phát giác, các bị cáo đã ra đầu thú; Các bị cáo T trong thời gian đi Công an nghĩa vụ được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến, bố mẹ bị cáo đều được tặng Huy chương kháng chiến. Bị cáo Đ có bố và mẹ được tặng Bằng khen, Chiến sỹ thi đua cơ sở. Bị cáo N có ông nội là Phan Công H1 được tặng Huy hiệu Chiến sỹ T. Do đó, các bị cáo T, Đ, N đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[9] *Về nhân thân*: Các bị cáo đều không có nhân thân tốt, thể hiện: Đều đã bị Tòa án có thẩm quyền kết án về hành vi phạm tội.

[10] *Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi*, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người lương thiện. Mức hình phạt đối với mỗi bị cáo cần được xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[11] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Trần Xuân T có công việc buôn bán giấy dép, có thu nhập nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với T. Bị cáo Nguyễn Anh Đ và Phan Công N không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho Đ và N là phù hợp.

[12] *Về phần vật chứng*: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần xử lý vật chứng của vụ án như sau:

- Số ma túy còn lại sau giám định là vật bị cấm lưu hành; chiếc bật lửa ga và mảnh giấy bạc Nguyễn Đình C dùng để sử dụng trái phép chất ma túy là công cụ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Số tiền các bị cáo phạm tội mà có cần được tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; bao gồm: Trần Xuân T 1.200.000 đồng, Phan Công N 1.500.000 đồng.

- 04 chiếc điện thoại di động kèm theo thẻ sim các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước;

[13] *Về án phí*: Bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Anh Đ và Phan Công N đều thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 331; 333; 336; 337 của bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, các điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Xuân T, Nguyễn Anh Đ và Phan Công N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”**.

- **Áp dụng:** Các điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Xuân T; Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Anh Đ.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (26/9/2024).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Đ 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt (24 tháng tù) của bản án số 67/2021/HSST ngày 01/11/2021, của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù; được trừ 50 ngày tạm giữ, tạm giam theo bản án số 67/2021/HSST ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. **Thời gian bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù của hai bản án là 09 (chín) năm 01 (một) tháng 10 (mười) ngày.** Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ (26/9/2024).

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Công N 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (26/9/2024).

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung bị cáo Trần Xuân T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Về vật chứng: Áp dụng: Các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

- Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo phạm tội mà có, bao gồm: Thu của Trần Xuân T 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng); thu của Phan Công N 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định;

- Tịch thu, tiêu hủy công cụ Nguyễn Đình C sử dụng để sử dụng trái phép chất ma túy, gồm: 01 chiếc bật lửa ga màu xanh, nhãn hiệu H-VIET đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy bạc bị cháy xém

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước Các điện thoại các đối tượng đã sử dụng để giao dịch mua bán ma túy gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone Xs màu đen, kèm theo thẻ SIM điện thoại số thuê bao là 0866.630.186 do Trần Xuân T sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, loại C30s màu đen, kèm theo 02 thẻ sim điện thoại số 0582.678.224 và 0899.347.585 do Trần Xuân T sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A21s, màu trắng, kèm theo thẻ sim điện thoại số 0824.882.388 của Phan Công N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone Xs màu vàng gold, gắn kèm thẻ sim điện thoại số 0345.486.597, do Nguyễn Anh Đ sử dụng.

Các vật chứng trên (ngoại trừ tiền) hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Thanh quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 12/2025/TSTV ngày 28/02/2025 giữa Đại diện Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Thanh và Cán bộ Công an huyện N.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc Trần Xuân T, Nguyễn Anh Đ và Phan Công N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 333; 336; 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết vụ án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Như Thanh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Như Thanh;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS (để thi hành);
- Phòng giám đốc án TA tỉnh Thanh hoá
- Lưu hồ sơ vụ án .

Lê Đình Huy